

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Ban hành kèm theo Quyết định số 4221/2009/QĐ-VIB ngày 29/12/2009

DANH MỤC PHÍ		MỨC PHÍ
TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI		
A	Tín dụng chứng từ	
I	Hàng nhập khẩu	
1	Mở L/C	
	1.1	Ký quỹ 100% TT: 0.075% (TT: 30 USD), TĐ: Thỏa thuận
	1.2	Ký quỹ < 100%
	a	L/C thời hạn dưới 2 tháng TT: 0.15% (TT: 30 USD), TĐ: Thỏa thuận
	b	L/C thời hạn từ 2 tháng trở lên TT: 0.2% (TT: 30 USD), TĐ: Thỏa thuận
	(Trong trường hợp: L/C có dung sai thì thu phí trên giá trị Max của L/C)	
2	Sửa đổi L/C	
	2.1	Sửa đổi tăng tiền
	a	Khách hàng trong nước chịu phí TT: Như phí mở L/C tính trên giá trị tăng thêm
	b	Khách hàng nước ngoài chịu phí 100 USD/lần
	2.2	Sửa đổi gia hạn
	a	Khách hàng trong nước chịu phí TT: 30 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
	b	Khách hàng nước ngoài chịu phí 50 USD/lần
	2.3	Sửa đổi khác
	a	Khách hàng trong nước chịu phí TT: 30 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
	b	Khách hàng nước ngoài chịu phí 50 USD/lần
3	Hủy L/C theo yêu cầu người mở TT: 10 USD/lần + Phí trả NH nước ngoài (nếu có) TĐ: thỏa thuận	
4	Kiểm tra chứng từ và thông báo TT: 10 USD/bộ; TĐ: thỏa thuận	
5	Tra soát theo yêu cầu của người mở TT: 10 USD/lần; TĐ: thỏa thuận	
6	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng trả chậm	
	6.1	Ký quỹ 100% TT: 30 USD; TĐ: thỏa thuận
	6.2	Ký quỹ < 100% TT: 0.08%/tháng (TT: 25 USD); TĐ: thỏa thuận
7	Ký hậu vận đơn	
	7.1	Khi chứng từ về ngân hàng TT: 5 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
	7.2	Khi chứng từ về Khách hàng TT: 15 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
8	Ký Cargo Receipt TT: 15 USD/lần; TĐ: thỏa thuận	
9	Phát hành bảo lãnh nhận hàng theo L/C TT: 60 USD/lần; TĐ: thỏa thuận	
10	Phí sai biệt chứng từ (thu người thụ hưởng) 70 USD/lần	
11	Thanh toán L/C	
	11.1	Phí thanh toán TT: 0.2% (TT: 30 USD); TĐ: thỏa thuận
	11.2	Thông báo thanh toán L/C (thu KH trong nước) TT: 30 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
	11.3	Thông báo thanh toán L/C (thu KH nước ngoài) 50 USD/lần
12	Từ chối thanh toán L/C TT: 40 USD/bộ; TĐ: thỏa thuận	
13	Chuyển trả chứng từ cho ngân hàng nước ngoài Chi phí thực tế phát sinh	
14	L/C xác nhận	
	14.1	Mở L/C Như mở L/C + Phí đầu mối (50 USD) + Phí ngân hàng xác nhận
	14.2	Sửa L/C Như phí sửa L/C + Phí xác nhận sửa đổi của ngân hàng xác nhận

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Ban hành kèm theo Quyết định số 4221/2009/QĐ-VIB ngày 29/12/2009

DANH MỤC PHÍ		MỨC PHÍ
II	Hàng xuất khẩu	
1	Thông báo sơ bộ và sửa đổi L/C	TT: Miễn phí + Phí NH chuyển tiếp (nếu có); TĐ: thỏa thuận
2	Thông báo và sửa đổi chính thức L/C	TT: 15 USD/lần + Phí NH chuyển tiếp (nếu có) TĐ: thỏa thuận
3	Thông báo chuyển tiếp L/C	TT: 25 USD/lần + Phí NH chuyển tiếp (nếu có); TĐ: thỏa thuận
4	Nhận xử lý và kiểm tra chứng từ	TT: 10 USD/bộ; TĐ: thỏa thuận
5	Gửi chứng từ hàng xuất	Chi phí thực tế phát sinh
6	Tra soát theo yêu cầu của người thụ hưởng	TT: 10 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
7	Chứng từ bị hoàn trả do không được thanh toán	Chi phí thực tế phát sinh
8	Thanh toán L/C	TT: 0.15% (TT: 20 USD); TĐ: thỏa thuận
9	Xác nhận L/C	Quy định riêng
10	Chuyển nhượng L/C	
	10.1 Trong nước	TT: 30 USD/bộ; TĐ: thỏa thuận
	10.2 Ngoài nước	TT: 100 USD/bộ; TĐ: thỏa thuận
B	Nhờ thu	
I	Hàng nhập khẩu	
1	Xử lý và thông báo chứng từ nhờ thu	TT: 10 USD + Cước phí bưu điện; TĐ: thỏa thuận
2	Tra soát chứng từ nhờ thu	TT: 10 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
3	Từ chối nhờ thu	TT: 30 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
4	Chuyển trả chứng từ nhờ thu	Chi phí thực tế phát sinh
5	Ký hậu vận đơn	TT: 10 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
6	Chấp nhận hối phiếu có kỳ hạn	TT: 50 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
7	Thanh toán nhờ thu	TT: 0.15% (TT: 30 USD); TĐ: Thỏa thuận
8	Thông báo thanh toán nhờ thu	
	8.1 Khách hàng trong nước	TT: 30 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
	8.2 Khách hàng nước ngoài	40 USD/lần
II	Hàng xuất khẩu	
1	Nhận và xử lý nhờ thu	TT: 10 USD/bộ; TĐ: thỏa thuận
2	Tra soát/Tu chỉnh/Hủy/Thu hồi nhờ thu theo yêu cầu của người nhờ thu	TT: 10 USD + Chi phí thực tế phát sinh; TĐ: thỏa thuận
3	Thanh toán nhờ thu	TT: 0.15% (TT: 30 USD); TĐ: thỏa thuận
4	Gửi bộ chứng từ nhờ thu	Chi phí thực tế phát sinh
III.	Điện phí	
1	Điện phí mở L/C	TT: 25 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
2	Điện phí khác	
	2.1 Khách hàng trong nước	TĐ: 15 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
	2.2 Khách hàng nước ngoài	25 USD/lần
IV.	Mã điện	
1	Mã điện hộ ngân hàng trong nước	TT: 15 USD/lần; TĐ: thỏa thuận
2	Mã điện hộ và chuyển tiếp	TT: 25 USD/lần; TĐ: thỏa thuận